

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Ngọc Khương.

- Ông Lê Thiết Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-PT ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hữu V**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Phùng Thị Diệu T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Chi Tú hiện tạm trú: Khu M, Phường N, thành phố B, Tỉnh Bắc Ninh.

(Anh V có mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu V trình bày:

Anh và chị Phùng Thị Diệu T kết hôn ngày 06/01/2017 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị T đi học, còn anh đi làm. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, chị T đã về nhà mẹ tại xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái ở sau đó đi làm ăn tự do từ tháng 7/2020 cho đến nay, ít liên

lạc và không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân ai có cuộc sống riêng của người đó. Xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/3/2018, hiện nay cháu đang ở cùng anh và bố mẹ đẻ anh. Sau ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và yêu không cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh V nhận nộp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị T không có mặt để làm việc. Anh Nguyễn Hữu V cung cấp cho Tòa án chị Phùng Thị Diệu T hiện đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh và tạm trú tại: Khu M, Phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Chị T chỉ liên lạc bằng điện thoại cho anh. Chị có về nhà bố mẹ đẻ và liên lạc bằng điện thoại cho mẹ đẻ chị là bà Phan Thị Q tại thôn 3, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Chị không về nhà và không về thăm con.

Tòa án xác minh tại địa phương, UBND Y, huyện H, Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Ban tư pháp, Ban Công xã và ông Trưởng khu 4 xã cho biết: Anh V, chị T, trong khoảng thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không được biết, anh chị cũng không đề nghị chính quyền địa phương tiến hành hòa giải, anh V hiện nay làm tự do tại địa phương còn chị T đi làm ăn không có mặt tại địa phương, anh chị không chung sống cùng nhau tại địa phương, chị Tú cũng không khai báo tạm vắng. UBND xã Y đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án thông báo về việc anh V giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hạ Hòa nhưng chị T đi làm không rõ địa chỉ. UBND xã Y không giao được trực tiếp cho chị T văn bản trên nên Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tại UBND xã Y. UBND xã Y đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và điều kiện thực tế của vợ chồng anh V, chị T.

Về con chung: Anh V và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/3/2018. Hiện cháu đang ở với anh V và Bố mẹ đẻ anh V tại khu 4, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Tòa án xác minh tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái và bà Phan Thị Q mẹ đẻ chị T cho biết: Chị T sau khi kết hôn với anh V đã chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú về khu 4, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Trong cuộc sống giữa chị T và anh V có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương và gia đình bà không biết vì gia đình bà ở xa. Chị T đã về nhà bà ở từ tháng 7/2020 sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh và tạm trú tại Khu M, Phường N, thành phố B, Tỉnh Bắc Ninh. Chị thường xuyên liên lạc

bằng điện thoại về cho gia đình bà. Gia đình bà và chị Tú đã biết việc anh V đề nghị TAND huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn với chị T. Bà không nhận các văn bản của Tòa án để giao cho chị T. Bà đề nghị Tòa án gửi các văn bản trên cho chị T theo địa chỉ tạm trú và số điện thoại mà bà và anh V cung cấp cho Tòa án.

Đại diện chính quyền địa phương xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng anh V, chị T giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, quá trình thụ lý, trình tự giải quyết vụ án thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng quy định của pháp luật. Đề nghị tòa án xét xử cho anh V được ly hôn với chị T. Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/3/2018 cho anh V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V do anh V không yêu cầu.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị T hợp lệ để có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ tại địa phương. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 07/3/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử chị Phùng Thị Diệu T vắng mặt tại phiên tòa với lý do chị đang bị dương tính do Covid -19. Ngày 31/3/2022 Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử chị T vắng mặt. Căn cứ vào các điều 227, 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh V có mặt. Chị T vắng mặt, bà Phan Thị Q mẹ đẻ chị T từ chối nhận các văn bản của Tòa án để thông báo và giao cho chị T. Tòa án đã gửi thông báo mở lại phiên tòa theo địa chỉ tạm trú của chị Tú nhưng chị không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết những văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của chị T. Căn cứ khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hữu V và chị Phùng Thị Diệu T kết hôn ngày 06/01/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp, phù hợp với pháp luật. Quá trình chung sống vợ

chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị Tú đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và đi làm ăn từ tháng 7/2020 sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, còn anh V làm tự do tại địa phương. Anh V và chị T đã sống ly thân từ tháng 7/2020 không quan tâm đến nhau.

Tòa án đã thụ lý hồ sơ triệu tập các bên đương sự đến để tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh V có mặt, chị Tú vắng mặt. Quá trình xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị T tại UBND xã Y thì được biết: Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị T nhưng chị T đi làm ăn tự do không có địa chỉ cụ thể do vậy Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tại UBND xã Y. Chính quyền địa phương, Hội liên hiệp phụ nữ; Ban Công an xã; Ban Tư pháp xã và ông trưởng khu 4, xã Y cho biết chị T đi làm ăn không về nhà và cũng không về thăm con. Chị T không khai báo tạm vắng hiện nay hộ khẩu thường trú của chị Tú vẫn tại khu 4, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Anh V và chị T đã sống ly thân ai có cuộc sống riêng của người đó không quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái và bà Phan Thị Q mẹ đẻ chị T cho biết: Chị T sau khi kết hôn với anh V đã chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú về khu 4, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã về nhà bà ở từ tháng 7/2020 sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh và tạm trú tại Khu M, Phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Chị thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về cho gia đình bà. Gia đình bà và chị T đã biết việc anh V đề nghị TAND huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn với chị. Bà không nhận các văn bản của Tòa án để giao cho chị T. Bà đề nghị Tòa án gửi các văn bản trên cho chị T. Tòa án đã triệu tập báo gọi nhiều lần thì chị T đều đã nhận các văn bản và được biết Tòa án báo, triệu tập anh đến Tòa án để làm việc về việc anh V xin ly hôn chị. Các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa chị đã nhận được và biết việc anh V xin ly hôn chị. Bà Phan Thị Q mẹ đẻ chị từ chối nhận thay các văn bản và đề nghị gửi theo địa chỉ tạm trú của chị T do bà cung cấp nhưng chị T không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết những văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của chị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài thì không có lợi cho cả hai bên. Anh V kiên quyết xin ly hôn với chị T vì tình cảm không còn, chị T bỏ mặc và không có biện pháp gì để anh V về đoàn tụ với chị. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và xử cho anh V được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Anh V và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/3/2018 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T đều có tình không có mặt, nên sau ly hôn giao con chung cho anh V được trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V do anh V không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp anh V không yêu cầu giải quyết, Tại phiên tòa chị T vắng mặt Tòa án không đặt ra giải quyết, nếu sau này có tranh chấp anh V, chị T có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí:

- Anh Vượng phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho anh Nguyễn Hữu V được ly hôn với chị Phùng Thị Diệu T.

Về con chung:

Xử: Giao cho anh Nguyễn Hữu V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/3/2018 kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu T thành niên. Chị Phùng Thị Diệu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V cho cháu Trúc do anh V không yêu cầu.

Anh V, chị T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh V không yêu cầu đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay chị Tú vắng mặt nếu sau này có tranh chấp khi có mặt chị Tú nếu có yêu cầu đề nghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Vượng phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa theo biên lai thu số AA/2020/0004749 ngày 01/11/2021 (xác nhận đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2, điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm anh Vượng có mặt được quyền kháng cáo, chị Tú vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Yên Kỳ nơi cư trú, lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND xã Yên Kỳ.
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Mạnh Tiến